TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HS-ST
Ngày: 28-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé

Ông Đinh Ngọc Dình

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 36/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Quang Đ (tên gọi khác: Ú), sinh năm 1984; Nơi sinh: tỉnh Long An. Nơi cư trú: Ấp G, xã P, huyện C, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị T; Có vợ tên Nguyễn Thị Xuân H (Chưa đăng ký kết hôn) và 01 người con sinh năm 2009;

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 18/11/1999 và ngày 20/12/1999, bị UBND xã P phạt cảnh cáo về hành vi gây rối trật tự công cộng;

Ngày 13/9/2002, bị UBND tỉnh L ra quyết định đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 12 tháng.

Ngày 27/01/2015, bị Công an xã V xử phạt hành chính phạt tiền 2.250.000

đồng về hành vi "trộm cắp tài sản".

- Ngày 22/12/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xử phạt 01 năm tù, về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong án phạt tù ngày 06/11/2018, xóa án tích;

- Ngày 27/10/2023, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xử phạt 03 năm tù, về tội "Trộm cắp tài sản".

Tiền án:

- Ngày 28/8/2009, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh, xử phạt 07 năm 06 tháng tù, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", chấp hành xong án phạt tù ngày 21/4/2014, đình chỉ thi hành án dân sự ngày 20/8/2019, chưa xóa án tích;

- Ngày 17/3/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 02 năm 03 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong án phạt tù ngày 12/11/2022, chưa xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/8/2023 đến ngày 11/8/2023 chuyển sang tạm giam cho đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

2. Trần Ngọc D, sinh năm 1975; Nơi sinh: tỉnh Long An. Nơi cư trú: Ấp E, xã H, huyện C, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn C và bà Huỳnh Thị H1; Có vợ tên Phan Thị Kim E và 01 người con sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/8/2023 đến ngày 11/8/2023 chuyển sang tạm giam cho đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

Bị hại:

1. Bà Phan Thị Ánh N, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Long An, vắng mặt.

2. Bà Bùi Thị Kim N1, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số D, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phan Thanh T1, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

2. Ông Lê Hoàng T2, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số B, ấp G, xã P, huyện C, tỉnh Long An, vắng mặt.

3. Ông Huỳnh Văn C1, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Long An, có mặt.

4. Ông Bùi Phước K, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An, vắng mặt.

5. Bà Lê Thị Thu H2, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số D, ấp G, xã P, huyện C, tỉnh Long An, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 06/5/2023, Lê Quang Đ sử dụng xe mô tô loại Wave RSX màu đỏ đen, biển số 95E1-837.21 của Phan Thanh T1 chở Trần Ngọc D đến nhà K chơi. Trên đường đi, phát hiện nhà của bà Bùi Thị Kim N1 tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An mở đèn, cửa đóng còn hở, nên Đ rủ D trộm cắp tài sản thì D đồng ý. D đứng ngoài cảnh giới, Đ trèo rào vào bên trong, mở chốt cửa nhà trên để vào nhà, Đ đi đến phòng ngủ bên trái không khóa cửa, trong phòng có mở đèn, Đ nhìn thấy 01 điện thoại di động hiệu S A72 A725 (8G +256G), màu xanh đang sạc pin và 01 máy tính bảng hiệu S1 (2019) T295 Siliver nên lấy trộm điện thoại bỏ vào túi quần và cầm máy tính bảng trên tay đi ra ngoài. Đông đưa máy tính bảng cho Danh cầm, Đ điều khiển xe mô tô chở D về nhà trọ của Đ. Điện thoại di động lấy trộm được Đ đem bán ở cửa hàng điện thoại A, địa chỉ khu phố H, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An với số tiền bao nhiêu Đ không nhớ rõ. Số tiền này Đ mua ma túy sử dụng chung cùng với D, còn máy tính bảng thì Đ để lại sử dụng, hiện nay thất lạc ở đâu không rõ. Kết quả test nhanh Lê Quang Đ và Trần Ngọc D dương tính với ma túy đá (Methamphetamine).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 21/Kl-HĐĐG ngày 02/8/2023 của Hội đồng định giá tố tụng hình sự huyện C, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu S2 A72 A725 (8G+256G) màu xanh, có giá trị định giá là 5.500.000 đồng; 01 máy tính bảng hiệu S1 (2019) T295 Sliver có giá trị định giá là 1.500.000 đồng. Tổng cộng là 7.000.000 (bảy triệu) đồng.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 00 giờ ngày 19/5/2023, Bùi Phước K rủ Lê Quang Đ đi bắt trộm gà về ăn thì Đ đồng ý. K điều khiển xe mô tô biển số 95E1-837.21 của Phan Thanh T1, chở Đ đến địa bàn xã A, huyện C để bắt gà về ăn nhưng không có, nên không đi trộm nữa mà quay trở về nhà. Trên đường về khi đi ngang nhà ông Huỳnh Văn C1 tại ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Long An, Đ phát hiện cửa nhà sau của ông C1 mở, chạy qua một đoạn, Đ kêu K dừng xe lại và kêu K đứng chờ, Đ đi bộ đến hàng rào kẽm B40 gần cửa sau trèo qua để vào nhà sau và thấy ông C1 đang nằm ngủ trên giường bên ngoài, bà Phan Thị Ánh N nằm ngủ trong phòng cùng với con dưới nền gạch. Phòng ngủ không đóng cửa nên Đ đi vào trong phòng vén mùng (loại mùng chụp) lên và chòm qua người bà N, tay trái chống xuống đất, tay phải lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 12, màu xám để trên đầu nằm bỏ vào túi quần. Khi lấy được điện thoại, Đ nhìn thấy bà N đeo sợi dây chuyền trọng lượng 02 chỉ, loại vàng 18K trên cổ nên Đ dùng tay phải nắm chặt cố định sợi dây chuyền rồi dùng tay trái gồng lực giật nhẹ sợi dây chuyền để bà N không phát hiện. Khi lấy được dây chuyền và điện thoại di động, Đ đi ra ngoài theo lối cũ

đi bộ đến nơi K đậu xe, lên xe K chở đi một đoạn, Đ thay K điều khiển xe chạy về nhà trọ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 22/Kl-HĐĐG ngày 02/8/2023 của Hội đồng định giá tố tụng hình sự huyện C, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 12, màu xám có giá trị định giá là 5.000.000 đồng; 01 sợi dây chuyền dạng mắc xích hình xoắn, loại vàng 18K, trọng lượng 02 chỉ có giá trị định giá 3.250.000 đồng/1chỉ x 2 chỉ là 6.500.000 đồng. Tổng cộng 11.500.000 (mười một triệu năm trăm ngàn) đồng.

Ngoài ra, Lê Quang Đ còn thực hiện hành vi "Trộm cắp tài sản" vào ngày 24/6/2023, tại xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xử phạt 03 năm tù. Lê Quang Đ thực hiện hành vi "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng", xảy ra ngày 30/7/2023, tại ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, tỉnh Hậu Giang đang thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Lê Quang Đ còn có hành vi "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng", xảy ra ngày 31/7/2023, tại ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Long An, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh L, đang thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe mô tô biển số 95E1-837.21, loại WAVE RSX, nhãn hiệu Honda, màu đỏ đen, số khung RLHJA3845LY043670, số máy JA52E0183982 và giấy đăng ký xe mang tên Phan Thanh T1.

Trách nhiệm dân sự: Bà Bùi Thị Kim N1 yêu cầu Lê Quang Đ, Trần Ngọc D bồi thường giá trị tài sản mất trộm là 01 điện thoại di động, 01 máy tính bảng với số tiền 7.000.000 đồng. Bà Phan Thị Ánh N yêu cầu Lê Quang Đ bồi thường giá trị tài sản mất trộm là 01 điện thoại di động, 01 sợi dây chuyền với số tiền 11.500.000 đồng. Gia đình của bị cáo Đ và D đã bồi thường cho bà Bùi Thị Kim N1 số tiền 7.000.000 đồng, gia đình bị cáo Đ đã bồi thường cho bà N số tiền 3.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Lê Quang Đ và Trần Ngọc D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu; Các bị cáo không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại về bản kết luận định giá, đồng thời không có khiếu nại gì đối với cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKSCT ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã truy tố các bị cáo Lê Quang Đ về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 và Trần Ngọc D về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Lê Quang Đ và Trần Ngọc D theo tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử

Áp dụng đểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17, Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g, khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị

cáo Lê Quang Đ mức án từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù, thời gian tù tính từ ngày 02/8/2023.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Lê Quang Đ theo Bản án số 55/2023/HS-ST ngày 27/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xử phạt Lê Quang Đ 03 năm tù, về tội ‘Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 38; Điều 50; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Ngọc D mức án từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày 02/8/2023.

K không biết việc Đ trộm cắp tài sản của bà N, chỉ có lời khai của Đ không có chứng cứ nào khác để chứng minh nên không đủ căn cứ để xử lý K với vai trò đồng phạm, T1 không thừa nhận bán dây chuyền do trộm được, chỉ có lời khai của Đ, nên không đủ căn cứ để xử lý T1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là phù hợp.

Lê Hoàng T2 chủ cửa hàng điện thoại di động An T3 không nhớ có mua điện thoại của Lê Quang Đ hay không, do hàng ngày có nhiều khách hàng ra vào cửa hàng, Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Đ, D khai nhận có sử dụng ma túy tại nhà trọ, nhưng không xác định thời gian, không thu được chất ma túy, dụng cụ sử dụng, nên không có cơ sở xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường xong cho bà Bùi Thị Kim N1 số tiền 7.000.000 đồng, gia đình bị cáo Đ đã bồi thường cho bà Phan Thị Ánh N số tiền 3.000.000 đồng nên cần buộc bị cáo Lê Quang Đ bồi thường cho bà N số tiền là 8.500.000 đồng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 586 và điều 589 Bộ luật dân sự 2015. Tại phiên tòa, bà T1 không yêu cầu bị cáo Đ bồi thường giá trị xe mô tô biển số 95E1-837.21 nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự, tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô biển số 95E1-837.21, nhãn hiệu Honda, loại WAVE RSX, màu đỏ đen, số máy JA52E0183982, số khung RLHJA3845LY043670 và giấy đăng ký xe mang tên Phan Thanh T1.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lê Quang Đ nói lời sau cùng: Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Trần Ngọc D không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, của

Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Xét thấy lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với kết quả tranh luận tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định: Nhằm phục vụ nhu cầu vật chất của cá nhân nên các bị cáo Đ và D đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác, lợi dụng thời gian nghỉ đêm của bị hại vào 01 giờ ngày 10/6/2023 các bị cáo cùng nhau lén lút lấy trộm của bà Bùi Thị Kim N1 01 điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy A72 A725 (8G+256G) màu xanh và 01 máy tính bảng hiệu S1 (2019) T295 Sliver có tổng giá trị là 7.000.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo Đ còn thực hiện hành vi phạm tội vào lúc 00 giờ ngày 19/5/2023, bị cáo đã lén lút lấy trộm của bà Phan Thị Ánh N 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 12, màu xám và 01 sợi dây chuyền dạng mắc xích hình xoắn, loại vàng 18K, trọng lượng 02 chỉ có tổng giá trị là 11.500.000 đồng.

Các bị cáo là người thành niên có đủ khả năng nhận thức, điều khiển hành vi, các bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đã gây ra. Hành vi của bị cáo D đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173. Riêng bị cáo Đ thực hiện hành vi phạm tội trong trường hợp tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên đủ yếu tố cấu thành "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An truy tố các bị cáo Đ và D với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

a)

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm;

a) ...;

g) Tái phạm nguy hiểm".

[3] Xét thấy, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Đây là vụ án có đồng phạm, nhưng chưa có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau, nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét đến tính chất cũng như mức độ thực hiện hành vi phạm tội và hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo:

Đối với bị cáo Lê Quang Đ:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và có bà nội tên Nguyễn Thị C2 được phong tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự Hình nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Đối với bị cáo Trần Ngọc D:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bồi thường thiệt hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và là cháu nội của liệt sỹ Trần Văn T4, cháu cố Việt Nam anh hùng Cù Thị C3 đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự Hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

[4] Xét bị cáo Đ là người chủ động đề xướng, rủ rê bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có tình tiết tăng nặng, có tiền án và có nhân thân không tốt nên cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải tạo bản thân trở thành công dân tốt.

Do bị cáo Đ đang chấp hành hình phạt tù theo Bản án số 55/2023/HS-ST ngày 27/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xử phạt Lê Quang Đ 03 năm tù, về tội ‘Trộm cắp tài sản” nên Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

Xét bị cáo D có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng bị cáo là người không chấp hành chính sách pháp luật Nhà nước khi có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên không có căn cứ được xét cho hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, cần thiết phải

cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải tạo bản thân trở thành công dân tốt.

[5] Đối với Bùi Phước K không biết việc Đ trộm cắp tài sản và không nhìn thấy tài sản trộm nên không đủ căn cứ để xử lý với vai trò đồng phạm, bà Phan Thanh T1 không thừa nhận bán dây chuyền do trộm được nên không đủ căn cứ để xử lý Phan Thanh T1 về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" là phù hợp.

Lê Hoàng T2 chủ cửa hàng điện thoại di động An T3 không xác định có mua điện thoại của Lê Quang Đ hay không, Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Đ, D khai nhận có sử dụng ma túy tại nhà trọ, nhưng không xác định thời gian, không thu được chất ma túy, dụng cụ sử dụng, Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường xong cho bà Bùi Thị Kim N1 số tiền 7.000.000 đồng và bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét, gia đình bị cáo Đ đã bồi thường cho bà Phan Thị Ánh N số tiền 3.000.000 đồng nên cần buộc bị cáo Đ có nghĩa vụ bồi thường cho bà N số tiền 8.500.000 đồng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 586 và điều 589 Bộ luật dân sự 2015. Bà Phan Thanh T1 không yêu cầu bị cáo Đ bồi thường giá trị xe mô tô biển số 95E1-837.21 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự, tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô biển số 95E1-837.21, nhãn hiệu Honda, loại WAVE RSX, màu đỏ đen, số máy JA52E0183982, số khung RLHJA3845LY043670 và giấy đăng ký xe mang tên Phan Thanh T1.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị xử phạt các bị cáo Lê Quang Đ và Trần Ngọc D về tội danh và mức án trên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Điều 21 và 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Quang Đ và Trần Ngọc D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Quang Đ 03 (ba) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt với bản án đã có hiệu

lực pháp luật số 55/2023/HS-ST ngày 27/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang với mức hình phạt là 03 năm tù, bị cáo Lê Quang Đ phải chấp hành hình phạt 06 (sáu) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 02/8/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Ngọc D 06 (sáu) tháng tù. Thời gian tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 02/8/2023.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam các bị cáo Lê Quang Đ và Trần Ngọc D thời hạn 45 ngày, kể từ ngày 28/12/2023 để đảm bảo cho việc thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Quang Đ phải bồi thường cho bà Phan Thị Ánh N số tiền 8.500.000 (tám triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô biển số 95E1-837.21, nhãn hiệu Honda, loại WAVE RSX, màu đỏ đen, số máy JA52E0183982, số khung RLHJA3845LY043670 và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 95E1-837.21 mang tên Phan Thanh T1, theo Quyết định chuyển vật chứng số 33/QĐ-VKSCT ngày 14/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An và biên bản giao nhận vật chứng vụ án ngày 14/11/2023 giữa Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Về án phí:

Bị cáo Lê Quang Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 425.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Ngọc D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo bản án 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Tòa án ND tỉnh;
- VKS ND tỉnh;
- VKS ND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA DS huyện Châu Thành;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Ái Duy